TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-12-2019.
V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ơn.
2. Ông Bùi Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37C/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1989.
Nơi cư trú: xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Nông Thị N trình bày: chị và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 21/12/2012. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng ban đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; anh Bùi Văn H thường xuyên tụ tập bàn bè uống rượu say chửi mắng vợ con, bỏ bê công việc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Nông

Thị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H có 01 con chung là Bùi Đức K, sinh ngày 26/11/2012. Hiện nay con chung vẫn đang ở với chị Nông Thị N. Khi ly hôn, chị Nông Thị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và chưa yêu cầu anh Bùi Văn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị Nông Thị N khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyện vọng của con chung: Tại giai đoạn thụ lý giải quyết thì con chung của chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H là Bùi Đức K chưa đủ 7 tuổi. Tại giai đoạn xét xử cháu K đã đủ 7 tuổi. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Bùi Đức K thể hiện cháu K có mong muốn được ở với mẹ là chị Nông Thị N.

Về phía anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Văn H thể hiện anh Bùi Văn H có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Nông Thị N đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn H. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân nhau và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, căn cứ nguyện vọng và vì quyền lợi mọi mặt của con nên cần giao cháu Bùi Đức K cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị N khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn H không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Bùi Văn H đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Bùi Văn Hoàn. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải

được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị N, anh H bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say chửi mắng, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Quá trình sống ly thân chị N, anh H cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, chị N và anh H đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H có 01 con chung là Bùi Đức K, sinh ngày 26/11/2012. Khi ly hôn, chị Nông Thị N nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: chị N có chỗ ở ổn định, có thu nhập và là người trực tiếp nuôi con hiện tại trong khi anh H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không cư trú cố định một nơi. Hơn nữa, xét nguyện vọng của con chung là muốn ở với mẹ và trên thực tế các cháu vẫn ở với mẹ là chị N từ khi chị N và anh H sống ly thân nhau. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét chấp nhận giao cháu Bùi Đức K cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị N chưa có yêu cầu anh Bùi Văn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của chị N, không ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của chị N và quyền lợi của cháu Bùi Đức K nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Nông Thị N vẫn có quyền yêu cầu anh Bùi Văn H cấp dưỡng trong quá trình nuôi con. Anh Bùi Văn H có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Nông Thị N khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Bùi Văn H vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh H nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N về việc xin ly hôn; cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2. Về nuôi con: Chị Nông Thị N và anh Bùi Văn H có 01 con chung là Bùi Đức K, sinh ngày 26/11/2012. khi ly hôn, giao cháu Bùi Đức K cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nông Thị N chưa có yêu cầu. Anh Bùi Văn H có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Văn H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Về tài sản đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002766 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Nông Thị N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã V – Lạc Sơn – HB;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 21/12/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn